

Bản án số: 102/2023/HS-PT

Ngày: 27 - 6 - 2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN T2 LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:** Ông Đỗ Mạnh Hùng

- **Các Thẩm phán:** Ông Nguyễn Hữu Hồng

Ông Nguyễn Văn Đức

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Anh Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 106/2023/TLPT-HS ngày 24 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Văn T và đồng phạm; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 13/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

**Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Văn T; sinh năm 1988 tại Ninh Bình; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 18, thị trấn LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 09/12; con ông: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1954 và bà Lê Thị Th1, sinh năm: 1956; vợ: Võ Thị Nh, sinh năm: 1989; con: 02 con sinh năm 2012, 2019. Tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 265 ngày 18/4/2017, bị Công an phường LP, thành phố BL1 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, số tiền 750.000 đồng (đã đóng phạt ngày 24/4/2017).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/11/2022 cho đến nay. Có mặt.

2. Phạm Thị Nh; sinh năm 1976 tại Lâm Đồng; nơi ĐKNKTT: 93/59/2 Hà Giang, Phường 1, thành phố BL1, Lâm Đồng; chỗ ở: Thôn 13, xã LNg, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: 02/12; con ông: Phạm Ngọc H (đã chết) và bà: Phan Thị H1; chồng: Nguyễn Văn M, sinh năm: 1966; con: 03 con sinh năm 1999, 2000, 2007. Tiền sự: Không

Tiền án: Tại Bản án số 33/2019/HS-ST ngày 02/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BL1 xử phạt Phạm Thị Nh 25.000.000đ về tội “Đánh bạc”, được trừ đi số tiền tạm giữ là 6.800.000đ, còn phải nộp 18.200.000đ và buộc nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 20/10/2022 Phạm Thị Nh nộp phạt toàn bộ số tiền 18.400.000đ. Tính đến thời điểm phạm tội, bị cáo chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/10/2022 đến 13/10/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Dương Thị Thúy Đ; sinh năm 1975 tại Thái Bình; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn 9, xã LNg, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: 10/12; con ông: Dương Tiểu Kh (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1946; chồng: Nguyễn Văn S, sinh năm: 1973; con: 03 con sinh năm 1995, 2004, 2007. Tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 62/2013/HSST ngày 25/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện BL, xử phạt Dương Thị Thúy Đ 06 tháng tù cho hưởng án treo, về tội *Chứa chấp tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*; thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày 25/9/2013, phạt bổ sung 5.000.000đ, buộc nộp 200.000đ án phí HSST. Vào tháng 01/2014, đã nộp 200.000đ án phí HSST và tháng 11/2019 đã nộp 5.000.000đ. Tính đến thời điểm phạm tội bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/11/2022 cho đến nay. Có mặt.

*Trong vụ án còn có các bị cáo khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 13h15’ ngày 10/10/2022, Công an huyện BL bắt quả tang tại khu vực vườn Tràm hồ C thuộc thôn 7, xã LNg, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng có nhiều đối tượng đang đánh bạc dưới hình thức “xóc đĩa”. Khi Công an bắt quả tang các đối tượng bỏ chạy, Công an bắt giữ được 03 đối tượng, cùng các vật chứng, tiền

trên chiếu bạc và tiền trên người các đối tượng gồm: Phạm Thị Nh, Nguyễn Văn Th, Đinh Thị H. Thu giữ tại sòng bạc gồm: Tiền Việt Nam 2.995.000 đồng; 02 bìa cát tông có kích thước 60cm x 60cm; 01 đĩa nhựa hình tròn đường kính 18cm màu trắng xanh; 01 chén sứ màu trắng hình tròn; 04 quân vị hình tròn có hình trái tim màu đỏ trên nền trắng 01 mặt màu hoa văn xanh trắng; 01 điện thoại di động Galaxy A51 màu đen xanh số Imeil 352353113109681; 01 áo khoác màu nâu bên trong có số tiền 6.500.000đ để cách sòng bạc khoảng 3m.

*Thu trên người các đối tượng bị bắt quả tang gồm:*

+ Nguyễn Văn Th: 01 ví da màu nâu in tên Nguyễn Đức Th1 trong túi quần bên phải, bên trong ví có số tiền 1.090.000đ; số tiền 3.800.000đ thu giữ tại túi quần bên trái; Số tiền 40.000.000đ tại túi áo khoác trước ngực trong bên trái; 01 điện thoại di động OPPO A55 màu xanh 0981552992, có số imel 8667870571157115219;

+ Đinh Thị H: Số tiền 500.000đ đang cầm trên tay trái; 25.000đ trong túi xách; 01 điện thoại Iphone X Smax màu hồng, gắn sim số 0846230375, số imel 353112100238019;

+ Phạm Thị Nh: số tiền 20.650.000đ (gồm 10.000.000đ trong áo ngực phải, 10.650.000đ để ở túi áo ngực bên trái); 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh lá ngọc, có sim 0384182630, số imel 868466055650471.

Ngoài ra, còn tạm giữ tại hiện trường 08 xe mô tô các loại gồm: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter Gravita màu trắng đen BKS: 49M6 - 1636, số máy: 5B96 - 069.593; 01 xe mô tô hiệu Honda WaveS 100 màu đỏ; BKS: 37U2 -1235, số máy: JC43E1577076; 01 xe máy hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, BKS: 49H1-269.49, số máy: JG31E0389752; 01 xe máy hiệu Honda Wave Alpha màu đỏ, BKS: 49H1-263.08, số máy: HC12E7121969; 01 xe máy dạng Dream không có biển số, số máy: LC152FMH00630299; 01 xe máy hiệu Honda AirBlade màu đen, BKS: 49K1-281.09, số máy: JF4G52039485, số khung: RLHJF4619EY027751; 01 xe máy hiệu Honda SH màu đen, BKS: 49H1-585.71, số máy: JF95E0121989; 01 xe máy hiệu Yamaha Novou màu vàng nâu, BKS: 49K1-055.80, số khung: RLCN58110BY370854.

*Qua điều tra xác định được:* Vũ Văn T1 và Phạm Thị Nh, Nguyễn Văn T, Dương Thị Thúy Đ, Đinh Thị H, Đoàn Minh C, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Ph, Lê Quảng B, Đỗ Úc R, Trần Bảo Ph1, Dương Xuân H2, Hồ Xuân S, Phạm Ngọc L là những người có quen biết nhau. Vào khoảng ngày 09/10/2022 các đối tượng trên (trừ bị cáo S) đến khu vực vườn Tràm hồ C thuộc thôn 7, xã LNg, huyện BL để đánh bạc ăn tiền, nhưng do trời mưa to nên không đánh bạc được.

Khoảng 08h00' S ngày 10/10/2022, T2 gọi điện thoại cho S, Ph, Ph1, L, R đến quán cà phê nhà anh H2 thuộc tổ 14, thị trấn LT, huyện BL uống cà phê

nói chuyện, trong đó có kể chuyện ngày hôm trước đi đánh bạc nhưng bị trời mưa, không chơi được.

Cùng thời điểm này, sau khi cùng T đi ăn S gần quán cà phê xong, C đi xe máy đến quán cà phê thấy nhóm của T2 đang ngồi trong quán nên đứng trước cổng quán nói chuyện và rủ nhau đi đánh bạc ăn tiền thì tất cả đồng ý, hẹn nhau đến khu vực bãi đất trống rừng Tràm (của Công ty Nhôm Lâm Đồng quản lý) thuộc thôn 7, xã LNg, huyện BL để chơi đánh bạc. Sau đó, C đi về và ghé vào tiệm vá vỏ Kim Anh nơi T làm việc thì gặp Dương Xuân H2, Trần Bảo Ph1 cũng có mặt tại đây C kể lại việc mọi người hẹn nhau đi đánh bạc ở rừng Tràm cho T, Ph1, Hòa nghe rồi đi về nhà mình (ở gần tiệm vá vỏ Kim Anh).

Sau đó, C quay lại quán nói cho T biết là nhóm của T2 đã đi đánh bạc thì T vào tiệm vá vỏ Kim Anh lấy 01 cái chén, 01 đĩa nhựa, 01 bộ bài tứ lơ khơ, 01 cái kéo và 01 tấm bìa cát tông rồi cùng C đi nhờ xe của một người (không rõ lai lịch) vào khu vực rừng Tràm.

Đối với T2, Ph, R sau khi uống cà phê xong đến khoảng 10h00 thì T2 điều khiển xe mô tô NouVo BKS 49K1 -055.80, Ph điều khiển xe mô tô Wave BKS 37U2 -1235; R điều khiển xe mô tô Wave RSX, BKS 47B1 -052.51 đi lên khu vực rừng Tràm trước. Còn Th điều khiển xe mô tô WaveRSX, BKS 49H1 - 269.49 đi rút tiền ở ngân hàng BIDV và lên rừng Tràm sau.

Hồ Xuân S sau khi uống cà phê cùng nhóm T2 xong thì đi làm vườn đến khoảng 11h00 cùng ngày về gặp Phạm Ngọc L tại cây xăng 42 thị trấn LT, BL, rồi rủ nhau đi xe mô tô Wave @ BKS 49H1 -263.08 của S đến rừng Tràm.

Còn R điện thoại cho H, Nh đi đánh bạc thì H rủ thêm Dương Thị Thúy Đ cùng đi. Đ đồng ý rồi cùng H đi xe mô tô Air Blade màu đen BKS 49K1 -281.09 của H. Nh một mình điều khiển xe máy loại Dream không biển số đi lên rừng Tràm.

Trần Bảo Ph1 và Dương Xuân H2 sau khi ở tiệm vá vỏ Kim Anh đi về nhà thì Ph1 điều khiển xe mô tô Jupiter BKS 49M6 -1636, Hòa điều khiển xe SH125i BKS 49H1 -585.71 cùng đi vào rừng Tràm đánh bạc ăn tiền.

Lê Quảng B sau khi đi làm vườn về ngang qua thấy đánh bạc xóc đĩa ăn tiền nên cũng vào tham gia chơi.

Tại sới bạc lúc này, T lấy bài ra cắt quân vị nhưng chưa tròn nên Ph đến phụ cắt chỉnh sửa lại quân vị cho tròn. C cùng những người khác lấy bìa cát tông ra trải ngồi. T2 nói T không chơi thì xóc đĩa giùm mọi người chơi thì tất cả đồng ý và nhờ T xóc đĩa. T nhận lời và xóc đĩa cho những người chơi khác đặt tiền cá cược. Trong sòng bạc, cả nhóm thống nhất với nhau mức cược cao nhất một ván là 4.000.000đ, thấp nhất là khoảng 1.000.000đ. Tất cả mọi người chơi đều có

quyền hô bán chẵn, bán lẻ, cân tiền và chia tiền ăn thua cho các con bạc, không quy định cụ thể người hô bán chẵn, bán lẻ, không phân công người cảnh giới, không có quy định ai là trả tiền công cho T (ai thích thì cho T tiền và không phân biệt số tiền). Trong đó, Lê Quảng B tham gia đánh được khoảng 30 Ph1t thắng được 1.500.000đ nên cho T 300.000đ và đi về. Những người chơi khác cho T mỗi người khoảng 50.000đ. Những người chơi đánh bạc liên tục cho đến khi bị Công an huyện BL bắt quả tang tạm giữ người và các vật chứng nêu trên. Riêng Đỗ Úc R chơi thua hết số tiền 2.800.000đ thì đi về nhà lấy thêm 17.000.000đ và quay lại sới bạc thì bị Cơ quan Công an lập biên bản.

*Quá trình điều tra xác định được số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, tiền thu lợi bất chính cụ thể như sau:*

1. Vũ Văn T1: Mang theo 1.500.000đ để đánh bạc, khi bỏ chạy T2 còn lại 900.000đ, bị thua 600.000đ.

2. Phạm Thị Nh: Mang theo số tiền 21.350.000đ, sử dụng 11.350.000đ để đánh bạc, số tiền còn lại 10.000.000đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi bị bắt quả tang Nh còn lại 20.650.000đ, bị thua 700.000đ.

3. Nguyễn Văn T: Khi đi không mang theo tiền và xóc đĩa cho các con bạc chơi đánh bạc. Quá trình chơi được Lê Quảng B cho 300.000đ và các bị cáo khác cho 600.000đ. Tổng cộng được 900.000đ.

4. Dương Thị Thúy Đ: Mang theo 7.000.000đ sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi chơi Đ rút ra trước 500.000đ để chơi, còn lại 6.500.000đ bỏ trong túi áo khoác để tại sới bạc. Đ chơi cho đến khi Công an bắt quả tang thì Đ bỏ chạy và cầm trên tay 1.700.000đ, xác định Đ thắng được 1.200.000đ.

5. Đinh Thị H: Mang theo số tiền 2.025.000đ sử dụng 2.000.000đ để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang H còn lại 525.000đ, bị thua 1.500.000đ.

6. Đoàn Minh C: Mang theo số tiền 4.000.000đ sử dụng để đánh bạc từ đầu cho đến khi Công an bắt quả tang, C bỏ chạy cầm trên tay 1.000.000đ, bị thua 3.000.000đ.

7. Nguyễn Văn Th: Mang theo 51.090.000đ, sử dụng 10.000.000đ để đánh bạc, còn lại 41.090.000đ cất trong bóp và áo ngực trái không sử dụng để đánh bạc. Khi chơi, Th lấy từ số tiền 10.000.000đ cho Ph mượn 5.000.000đ để đánh bạc, còn sử dụng 5.000.000đ để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang Th còn lại 3.800.000đ, bị thua 1.200.000đ.

8. Nguyễn Văn Ph: Mang theo 3.500.000đ để đánh bạc và bị thua hết số tiền này. Ph mượn của Th 5.000.000đ tiếp tục chơi đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, Ph bỏ chạy mang theo số tiền 5.500.000đ. Tổng cộng Ph sử dụng 8.500.000đ để đánh bạc, bị thua 3.000.000đ.

9. Lê Quảng B: Mang theo 900.000đ sử dụng để đánh bạc và thắng được 1.500.000đ. Bình cho T 300.000đ và đi về trước khi Công an bắt quả tang. Số tiền Bình thu lợi còn lại là 1.200.000đ.

10. Đỗ Úc R: Mang theo 2.800.000đ để đánh bạc và thua hết số tiền này. R về nhà cầm theo 17.000.000đ và xác định lấy ra 5.000.000đ để đánh bạc; Trả cho H 2.000.000đ (tiền nợ), còn lại 10.000.000đ không sử dụng để đánh bạc. Khi R quay lại thì Công an huyện BL đang lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Xác định tổng số tiền R sử dụng để đánh bạc là 7.800.000đ, bị thua 2.800.000đ.

11. Trần Bảo Ph1: Mang theo 1.350.000đ sử dụng để đánh bạc và bị thua 1.100.000đ. Khi Công an bắt quả tang Ph1 bỏ chạy, cầm theo trên tay 250.000đ.

12. Dương Xuân H2: Mang theo 1.850.000đ sử dụng để đánh bạc và bị thua 1.000.000đ. Khi Công an bắt quả tang Hòa bỏ chạy cầm theo số tiền còn lại là 850.000đ.

13. Hồ Xuân S: Mang theo số tiền 850.000đ sử dụng để đánh bạc bị thua 800.000đ. Khi bị bắt quả tang S bỏ chạy cầm theo số tiền 50.000đ.

14. Phạm Ngọc L: Mang theo số tiền 900.000đ để đánh bạc bị thua 400.000đ. Khi Công an bắt quả tang L bỏ chạy và cầm theo số tiền 500.000đ.

Như vậy, tổng cộng số tiền mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc trong ngày 10/10/2022 là 56.895.000 đồng (gồm số tiền thu tại sới bạc là 2.995.000đ + số tiền các bị cáo mang theo sử dụng để đánh bạc là 53.900.000đ).

Cáo trạng số 16/CT-VKSBL ngày 10/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo Vũ Văn T1, Phạm Thị Nh, Nguyễn Văn T, Dương Thị Thúy Đ, Đinh Thị H, Đoàn Minh C, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Ph, Lê Quảng B, Đỗ Úc R, Trần Bảo Ph1, Dương Xuân H2, Hồ Xuân S, Phạm Ngọc L về tội “*Đánh bạc*” quy định tại điểm b khoản 2 điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HS-ST ngày 13/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Lâm Đồng đã xử;

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn T1, Phạm Thị Nh, Nguyễn Văn T, Dương Thị Thúy Đ, Đinh Thị H, Đoàn Minh C, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Ph, Lê Quảng B, Đỗ Úc R, Trần Bảo Ph1, Dương Xuân H2, Hồ Xuân S, Phạm Ngọc L phạm tội “*Đánh bạc*”.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T1 42 (bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2022. Phạt bổ sung bị cáo Vũ Văn T1 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Dương Thị Thúy Đ 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Dương Thị Thúy Đ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 321; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Nh 42 (bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 10/10/2022 đến ngày 13/10/2022. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Thị Nh 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

1.3. Áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Minh C 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày 13/4/2023. Phạt bổ sung bị cáo Đoàn Minh C 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

1.4. Áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Thị H 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày 13/4/2023. Phạt bổ sung bị cáo Đinh Thị H 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày 13/4/2023. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn Th 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Đỗ Úc R 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày 13/4/2023. Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Úc R 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ph 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày 13/4/2023. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn Ph 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Trần Bảo Ph1 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày 13/4/2023. Phạt bổ sung bị cáo Trần Bảo Ph1 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Lê Quảng B 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày 13/4/2023. Phạt bổ sung bị cáo Lê Quảng B 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Dương Xuân H2 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày 13/4/2023. Phạt bổ sung bị cáo Dương Xuân H2 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Hồ Xuân S 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày 13/4/2023. Phạt bổ sung bị cáo Hồ Xuân S 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc L 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày 13/4/2023. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Ngọc L 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 14/4/2023 bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Ngày 20/4/2023 bị cáo Dương Thị Thúy Đ kháng cáo xin hưởng án treo

Ngày 21/4/2023 bị cáo Phạm Thị Nh kháng cáo xin hưởng án treo

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không thắc mắc khiếu nại bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo. Các bị cáo xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới là biên lai thu tiền phạt bổ sung và tiền án phí hình sự sơ thẩm; đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữ quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Nh; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Thị Thúy Đ, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào ngày 10/10/2022, các bị cáo Vũ Văn T1, Phạm Thị Nh, Nguyễn Văn T, Dương Thị Thúy Đ, Đinh Thị H, Đoàn Minh C, Nguyễn Văn Th, Nguyễn

Văn Ph, Lê Quảng B, Đỗ Ước R, Trần Bảo Ph1, Dương Xuân H2, Hồ Xuân S, Phạm Ngọc L cùng nhau đến khu vực vườn Tràm Hồ C thuộc thôn 7, xã LNg, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng đánh xóc đĩa ăn tiền. Đến 13h15' cùng ngày bị Công an huyện BL bắt quả tang, xác định số tiền 14 bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 56.895.000 đồng.

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong hạn luật định và đúng quy định nên thời hạn kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, nội dung kháng cáo của các bị cáo là xin được giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo T, Đ đều thành khẩn khai báo. Riêng bị cáo Nh khai báo quanh co, không thành khẩn nhưng sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Nh đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Do đó cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Đối với bị cáo Nh: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Tuy nhiên, trong vụ án này nhiều bị cáo tham gia với vai trò là chủ mưu, rủ rê, sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhưng lại không có sự phân hóa vai trò của từng bị cáo mà xử các bị cáo với mức hình phạt ngang nhau là không phù hợp, trong khi đó bị cáo Nh tham gia đánh bạc với số tiền ít, gia đình có bố bị cáo là người có công với cách mạng, điều kiện gia đình khó khăn nên cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt là phù hợp.

Đối với bị cáo T và bị cáo Đ: Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo cung cấp biên lai nộp tiền phạt bổ sung. Xét thấy, vai trò tham gia của bị cáo T và bị cáo Đ trong vụ án không lớn. Bị cáo T tham gia xóc đĩa cho các con bạc khác đánh bạc và được các con bạc cho số tiền 900.000đ. Do các bị cáo có nhân thân không tốt nên bản án sơ thẩm xử phạt hình phạt tù giam, tuy nhiên thời gian các bị cáo phạm tội và bị xử phạt vi phạm hành chính đã lâu, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, điều kiện hoàn cảnh gia đình của các bị cáo khó khăn, vì vậy chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát để chấp nhận kháng cáo của bị cáo T và bị cáo Đ, không cần thiết phải bắt thi hành hình phạt tù mà cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Dương Thị Thúy Đ và Phạm Thị Nh; sửa bản án hình sự sơ thẩm. Xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Thị Nh và Dương Thị Thúy Đ phạm tội “Đánh bạc”;

1.1. Áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (27/6/2023).

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Bị cáo đã nộp đủ theo biên lai thu số 0005399 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL.

- Xử phạt bị cáo Dương Thị Thúy Đ 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (27/6/2023).

Phạt bổ sung bị cáo Dương Thị Thúy Đ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Bị cáo đã nộp đủ theo biên lai thu số 0005451 ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL.

*Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng và bị cáo Dương Thị Thúy Đ cho Ủy ban nhân dân xã LNg, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình của người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa Ph trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Trường hợp người bị kết án có sự thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.*

*Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.*

1.2. Áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Nh 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 10/10/2022 đến ngày 13/10/2022. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Thị Nh 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, hết thời hạn kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân TC (01);
- Phòng KTNV&THA (04);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- Tòa án nhân dân huyện BL (06);
- VKSND huyện BL (01);
- Cơ quan CSĐT CA huyện BL (01);
- Cơ quan THAHS CA huyện BL (01);
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (03);
- Hồ sơ THAHS (04);
- Lưu hồ sơ; Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PH1C THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Mạnh Hùng**